TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2026/KDTM-PT
Ngày: 05- 02 – 2026.
V/v tranh chấp hợp đồng
Mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Mai Thị Thanh Tú

Các Thẩm phán:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Tài.

2/ Bà Ngô Thị Phúc Hảo.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 và ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 355/KDTM-PT ngày 08/12/2025 về việc: "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 103/2025/KDTM-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7905/QĐXXPT-KDTM ngày 30/12/2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 16/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH B**

Địa chỉ trụ sở: D467A khu phố B, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 119 đường N13, khu dân cư P 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 01/03/2024).

Bị đơn: **Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M** ;

Địa chỉ trụ sở: Số 258F D, Phường N, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 1264/78/62 L, Phường M, quận G (nay là A), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 10/05/2024).

Do có kháng cáo của Bị đơn Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M ;

Có mặt: bà H, ông Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 03 năm 2024, tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH B (sau đây gọi là Công ty B) là công ty chuyên thi công các công trình xây dựng và các gói thầu có liên quan đến việc xây lắp, lắp đặt các thiết bị trong công trình. Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M (sau đây gọi là Công ty M) là công ty chuyên thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, báo cháy và chống sét. Công ty B và công ty M có ký kết các hợp đồng thi công xây dựng công trình cụ thể như sau:

1. Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 17/MX/HĐ-MB ngày 16/02/2022 đối với Công trình: Cải tạo nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Hòa Phú, hạng mục: Phòng cháy chữa cháy, báo cháy và chống sét. Tổng giá trị hợp đồng là: 2.536.328.373 đồng *(Hai tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng)*.

Sau khi ký hợp đồng, bên A tạm ứng trước cho bên B 50% giá trị hợp đồng tương đương số tiền: 1.268.164.187 đồng *(Một tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy đồng)*. Theo khế ước nhận nợ lần thứ 17 giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Công ty TNHH B, số tiền tạm ứng nêu trên đã được giải ngân vào tài khoản số 19127362900019 của Công ty M tại Ngân hàng TMCP Kĩ Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung TPHCM ngày 24/02/2022.

Theo thỏa thuận, thời gian thực hiện hợp đồng là 400 ngày (kể cả ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định) kể từ ngày khởi công công trình, từ ngày 25/02/2022 đến ngày 01/4/2023. Tuy nhiên, đến ngày 21/02/2023, khi tiến độ theo hợp đồng chỉ còn 40 ngày là hết hạn hợp đồng nhưng Công ty M mới chỉ thực hiện khoảng 10% giá trị hợp đồng, đồng thời công ty M đã ngưng thi công công trình trong thời gian dài từ ngày 01/02/2023 đến ngày 21/02/2023, do đó Công ty B đã gửi Công văn số 10/CVBS-2023 v/v thông báo thực hiện tiến độ thi công đối với hợp đồng số 17/MX/HĐMB ngày 16/02/2022 đề nghị Công ty M tập trung nhân

lực, vật tư, thiết bị để hoàn thành hợp đồng đã ký trước ngày 15/6/2023. Đồng thời ngày 13/3/2023, đại diện Công ty M và đại diện Công ty B đã có buổi họp để xử lý các vấn đề liên quan đến tiến hộ thực hiện tại công trình, trong đó hai bên ghi nhận: *"Công ty M phải thực hiện triển khai thi công trở lại tại công trình chậm nhất đến ngày 20/3/2023. Nếu đến ngày 20/3/2023 mà Công ty M vẫn chưa bố trí nhân lực triển khai thi công trở lại thì Công ty B sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng…"*

Sau buổi họp nêu trên, Công ty M vẫn không có ý kiến phản hồi hay bố trí nhân lực, triển khai thi công, tập trung để hoàn thành hợp đồng như Công ty B đề nghị. Nhận thấy, Công ty M không có thiện chí, vi phạm hợp đồng hai bên đã kí nên Công ty B đã gửi Công văn số 15/CVBS-2023 ngày 03/4/2023 v/v thông báo chấm dứt hợp đồng số 17/MX/HĐMB ngày 16/02/2022 giữa Công ty B và Công ty M. Sau đó, Công ty M đã có công văn số 38/CVMX/2023 ngày 13/4/2023 v/v cam kết thực hiện hạng mục phòng cháy chữa cháy, báo cháy, chống sét công trình cải tạo nâng cấp mở rộng trường THCS Hòa Phú chậm nhất đến 30/5/2023. Ngày 08/9/2023, Công ty M lại có công văn số 31/CVMX/2023 ngày 08/9/2023 về việc đưa ra kế hoạch thi công các hạng mục tại công trình và kéo dài đến cuối tháng 9/2023.

Không chấp nhận việc Công ty M tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện, ngày 07/10/2023, Công ty B đã gửi công văn số 20/CVBS-2023 v/v thông báo chấm dứt hợp đồng số 17/MX/HĐMB ngày 16/02/2022 giữa Công ty B và Công ty M.

2. Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18/MX/HĐ-MB ngày 16/02/2022 đối với Công trình: Trường Trung học cơ sở Tân Đông Hiệp B, hạng mục: Chống sét, phòng cháy chữa cháy và báo cháy. Tổng giá trị hợp đồng là: 2.756.068.811 đồng *(Hai tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm mười một đồng)*.

Sau khi ký hợp đồng, bên A tạm ứng trước cho bên B 50% giá trị hợp đồng tương đương số tiền: 1.378.034.406 đồng *(Một tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu không trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng)*. Theo khế ước nhận nợ lần thứ 17 giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Công ty TNHH B , số tiền tạm ứng nêu trên đã được giải ngân vào tài khoản số 19127362900019 của Công ty M tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung TPHCM ngày 24/02/2022.

Theo thỏa thuận, thời gian thực hiện hợp đồng là 500 ngày (kể cả ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định) kể từ ngày khởi công công trình, từ ngày 25/02/2022 đến ngày 08/7/2023.

Tuy nhiên, đến ngày 13/3/2023, khi thời gian đã được 77% tiến độ theo hợp đồng nhưng Công ty M mới chỉ thực hiện khoảng 10% giá trị hợp đồng, đồng thời Công ty M đã ngưng thi công công trình trong thời gian dài kể từ ngày 01/02/2023. Ngày 13/3/2023, đại diện Công ty M và đại diện Công ty B đã có buổi họp để xử lý các vấn đề liên quan đến tiến hộ thực hiện tại công trình, trong

đó hai bên ghi nhận: *"Công ty M phải thực hiện triển khai thi công trở lại tại công trình chậm nhất đến ngày 20/3/2023. Nếu đến ngày 20/3/2023 mà Công ty M vẫn chưa bố trí nhân lực triển khai thi công trở lại thì Công ty B sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng…"*.

Sau buổi họp nêu trên, Công ty M vẫn không có ý kiến phản hồi hay bố trí nhân lực, triển khai thi công, tập trung để hoàn thành hợp đồng như Công ty B đề nghị. Ngày 08/9/2023, Công ty M gửi công văn số 31/CVMX/2023 ngày 08/9/2023 về việc đưa ra kế hoạch thi công các hạng mục tại công trình và kéo dài đến cuối tháng 9/2023.

Không chấp nhận việc Công ty M tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện, ngày 07/10/2023, Công ty B đã gửi công văn số 20/CVBS-2023-01 v/v thông báo chấm dứt hợp đồng số 18/MX/HĐMB ngày 16/02/2022 giữa Công ty B và Công ty M.

Việc Công ty M là nhà thầu ký kết hợp đồng thi công công trình với Công ty B, công ty đã tạm ứng cho Công ty M số tiền tương ứng với 50% giá trị của 02 hợp đồng, tuy nhiên Công ty M không thực hiện và bàn giao công trình đúng thời hạn là đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B.

Đối với số tiền tạm ứng, Công ty B đã vay của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, đến nay vẫn phải trả lãi theo đúng quy định. Ngoài ra, trong thời gian công trình bị chậm tiến độ, Công ty B cũng phải chịu rất nhiều chi phí. Đến nay, Công ty B phải tìm một đơn vị khác để ký hợp đồng thi công đối với 02 hạng mục Chống sét, phòng cháy chữa cháy và báo cháy tại Trường Trung học cơ sở Tân Đông Hiệp B và Cải tạo nâng cấp, mở rộng (Phòng cháy chữa cháy, báo cháy và chống sét) tại Trường Trung học cơ sở Hòa Phú. Bên cạnh đó, việc thi công chậm tiến độ dẫn đến thời hạn Công ty B bàn giao công trình bị kéo dài đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Công ty B.

Nay Công ty TNHH B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M phải hoàn trả cho Công ty TNHH B tổng số tiền đã tạm ứng của hai công trình là 2.646.198.593 đồng (*Hai tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu một trăm chín mươi tám nghìn năm trăm chín mươi ba đồng*).

- Buộc Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M phải bồi thường thiệt hại, các chi phí phát sinh như lãi suất ngân hàng và các chi phí khác do việc chấm dứt hợp đồng cho Công ty TNHH B tạm tính đến ngày 19/12/2023 là 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*).

Tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M phải trả cho Công ty TNHH B tạm tính đến ngày 19/12/2023 là: 5.646.198.593 đồng.

***Tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày*:**

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M và Công ty TNHH B có ký kết các hợp đồng sau:

1/ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 17/MX/HĐ-MB – công trình: Cải tạo nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Hòa Phú – Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy, báo cháy và chống sét, có giá trị: 2.536.328.373 đồng (Đã bao gồm VAT), thời gian thực hiện: 400 ngày (kể cả ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định) kể từ ngày khởi công công trình, đã được thanh toán tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, số tiền: 1.268.164.187đ (*bằng chữ: Một tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, một trăm sáu mươi bốn ngàn, một trăm tám mươi bảy đồng);* Khối lượng hợp đồng đã thực hiện tính đến ngày 16/11/2023 đạt 79% giá trị hợp đồng.

2/ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18/MX/HĐ-MB – Công trình: Trường Trung học cơ sở Tân Đông Hiệp B – Hạng mục: Chống sét, PCCC và báo cháy, có giá trị: 2.756.068.811 đồng (Đã bao gồm VAT), thời gian thực hiện: 500 ngày (kể cả ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định) kể từ ngày khởi công công trình, đã được thanh toán tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, số tiền: 1.378.034.406đ (*bằng chữ: Một tỷ, ba trăm bảy mươi tám triệu, không trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm lẻ sáu đồng*); Khối lượng hợp đồng đã thực hiện tính đến ngày 16/11/2023 đạt 49% giá trị hợp đồng.

Trong quá trình thi công các hạng mục theo Hợp đồng, do những khó khăn liên quan đến thiết bị vật tư và cần sự thi công đồng bộ với các hạng mục của nhà thầu khác và không có sự hợp tác, chia sẻ kịp thời từ phía nguyên đơn và cụ thể là việc nguyên đơn không cho nhân sự từ phía bị đơn vào công trình để tiếp tục thi công.

Việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 2.646.198.593 đồng và bồi thường thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng với số tiền 3.000.000.000 đồng là không có cơ sở.

Vì vậy đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau:

- Không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Yêu cầu Tòa án xác định khối lượng bị đơn đã thi công cho các công trình nêu trên để từ đó phía bị đơn có phản tố yêu cầu nguyên đơn tiếp tục thanh toán phần giá trị mà phía bị đơn đã thi công vượt giá trị hợp đồng được nguyên đơn tạm ứng do phía nguyên đơn đã tự ý chấm dứt hợp đồng.

- Yêu cầu Tòa án đưa Chủ đầu tư công trình: Cải tạo nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Hòa Phú và Công trình: Trường Trung học cơ sở Tân Đông Hiệp B vào tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, bởi toàn bộ khối lượng thi công mà bị đơn đã thực hiện không phải chỉ 10% giá trị hợp đồng như nội dung khởi kiện của phía nguyên đơn và xác nhận giữa nguyên đơn và chủ đầu tư.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/KDTM-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 đã tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M phải hoàn trả cho Công ty TNHH B tổng số tiền đã tạm ứng của hai công trình là 2.646.198.593 (hai tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu một trăm chín tám ngàn năm trăm chín ba) đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/03/2023 cho đến khi xét xử vụ án là: 29 tháng x 2.646.198.593 đồng x 10%/năm/12 là 639.472.690 đồng.

- Tổng cộng, Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M phải trả cho Công ty TNHH B số tiền là 3.285.671.283 đồng (ba tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi mốt ngàn, hai trăm tám mươi ba) đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực thi hành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 29/9/2025 Bị đơn Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M kháng cáo bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Nguyên đơn Công ty TNHH B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Bị đơn Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng, bỏ sót người tham gia tố tụng là chủ đầu tư, chưa xác định khối lượng thi công của Công ty B, áp dụng pháp luật không chính xác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M , giữ nguyên bản án số 103/2025/KDTM-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Bị đơn Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty M- HĐXX nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng thi công số 17/MX/HĐ-MB giữa Công ty B và Công ty M liên quan đến công trình Trường THCS Hòa Phú (hạng mục PCCC, báo cháy và chống sét), giá trị 2.536.328.373 đồng, thời gian thực hiện 400 ngày từ 25/02/2022 đến 01/4/2023 và hợp đồng thi công số 18/MX/HĐ-MB ngày 16/02/2022 liên quan đến công trình Trường THCS Tân Đông Hiệp B (hạng mục chống sét, PCCC và báo cháy), giá trị 2.756.068.811 đồng, thời gian thực hiện 500 ngày từ 25/02/2022 đến 08/7/2023.

Theo thỏa thuận tại khoản 8.3 Điều 8 của cả hai hợp đồng nêu trên thể hiện: "*bên giao thầu (Công ty B) có nghĩa vụ tạm ứng 50% giá trị hợp đồng cho bên nhận thầu (Công ty M), tương ứng:*

- 1.268.164.187 đồng cho Hợp đồng số 17;

- 1.378.034.406 đồng cho Hợp đồng số 18."

Theo Khế ước nhận nợ giữa Công ty B và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương thì Công ty B đã giải ngân tổng cộng số tiền tạm ứng là 2.646.198.593 đồng vào tài khoản của Công ty M tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung TP.HCM ngày 24/02/2022.

Trong quá trình thi công, Công ty M không đảm bảo tiến độ thi công theo quy định tại hợp đồng, Công ty B đã nhắc nhở và gia hạn việc thi công thể hiện tại Công văn số 10/CVBS-2023; và tại cuộc họp ngày 13/3/2023 đã thông báo thời hạn cuối để Công ty M tái triển khai thi công là ngày 20/3/2023, trường hợp không thực hiện, Công ty B sẽ chấm dứt hợp đồng.

Ngày 03/4/2023 Công ty B đã ban hành Công văn số 15/CVBS-2023 thông báo chấm dứt Hợp đồng số 17. Ngày 07/10/2023, Công ty B ban hành Công văn số 20/CVBS-2023 và 20/CVBS-2023-01, chấm dứt cả hai hợp đồng với Công ty M.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn Công ty M cũng đã xác nhận việc vi phạm tiến độ thuộc lỗi của Công ty M.

Căn cứ Điều 13 của hai hợp đồng quy định: "*trường hợp bên nhận thầu thi công không đảm bảo chất lượng hoặc tiến độ, đã được bên giao thầu nhiều lần nhắc nhở mà không khắc phục thì bên giao thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng*." và tại khoản 13.3 Điều 13 còn quy định: "*trong trường hợp bị chấm dứt hợp đồng do lỗi vi phạm, bên nhận thầu không được thanh toán bất kỳ khối lượng nào đã thực hiện, đồng thời phải hoàn trả toàn bộ giá trị tạm ứng và bồi thường thiệt hại nếu có*."

Như vậy, việc Công ty B chấm dứt hợp đồng là đúng trình tự đã thỏa thuận, và yêu cầu buộc Công ty M hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng là có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên khoản tiền tạm ứng từ ngày 24/02/2022 đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm. Ngày 20/3/2023 là ngày hai bên thỏa thuận là hạn chót để Công ty M triển khai thi công trở lại, do đó, lãi suất 10%/năm được tính từ ngày 20/3/2023 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của Công ty M đề nghị xác định khối lượng thi công dở dang và yêu cầu triệu tập Chủ đầu tư tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy khi nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng, bị đơn không phản hồi yêu cầu nghiệm thu hoặc xác định khối lượng thi công. Ngoài ra, các công trình đã được Công ty B tiếp tục thi công hoàn thiện và bàn giao cho chủ đầu tư, hiện đang được đưa vào sử dụng, không còn điều kiện khách quan để xác định lại khối lượng dở dang. Và đây là tranh chấp Hợp đồng thi công được ký kết giữa Công ty B và Công ty Xuân Mai không liên quan đến chủ đầu tư. Do vậy, yêu cầu này của công ty M là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B về việc buộc bị đơn hoàn trả số tiền tạm ứng 2.646.198.593 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Yêu cầu tính lãi được chấp nhận một phần, tính từ ngày 20/3/2023 đến ngày xét xử, với lãi suất 10%/năm. Đối với số tiền lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu nhưng không được tòa án chấp nhận là 286.696.817 đồng thì Nguyên đơn phải chịu án phí 5 % trên số tiền không được chấp nhận là 14.334.841 đồng. Do đó, kháng cáo của Bị đơn Công ty M là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty M, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty M không được chấp nhận nên Công ty M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Cùng các Điều luật đã viện dẫn;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M .

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 103/2025/KDTM-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M phải hoàn trả cho Công ty TNHH B tổng số tiền đã tạm ứng của hai công trình là 2.646.198.593 (*hai tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu một trăm chín tám ngàn năm trăm chín ba)* đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/03/2023 cho đến khi xét xử vụ án là: 29 tháng x 2.646.198.593 đồng x 10%/năm/12 là 639.472.690 đồng.

- Tổng cộng, Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M phải trả cho Công ty TNHH B số tiền là 3.285.671.283 đồng (*ba tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi mốt ngàn, hai trăm tám mươi ba*) đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực thi hành.

Kể từ khi Công ty TNHH B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với yêu cầu Bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 3.000.000.000 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M phải chịu án phí là 97.713.426 (*chín mươi bảy triệu bảy trăm mười ba ngàn bốn trăm hai mươi sáu*) đồng.

- Công ty TNHH B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.334.841(*mười bốn triệu, ba trăm ba mươi bốn ngàn, tám trăm bốn mươi mốt*) đồng, cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.823.100 đồng theo biên lai thu số 0012676 ngày 05/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty TNHH B được nhận lại số tiền án phí là 42.488.259 *(bốn mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi chín)* đồng.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tư vấn đầu tư M phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng được cấn trừ án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021977 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM (Tòa phúc thẩm 3);
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND KV7;
- Phòng THADS KV7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thanh Tú